

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 27/02/2026

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		P9+P11+P5	7:25	16+6+0	0+0+0		15+6+0	0+0+0	chuyen 1 p9- p11chuyen 1 p11-p5
2		BK10+BK4	7:25	15+7	0+0		6+4	0+0	
3		RP3+P2	7:25	4+18	0+0		0+14	0+0	
4		PVD8	7:25	19	0		13	0	ec225
5		P10	9:25	22	0		21	0	
6		P11+BK3	9:25	18+4	0+0		14+4	0+0	
7		TTC2+P10	9:25	10+12	0+0		0+8	0+0	
8		P11+P9	11:25	8+14	0+0		0+9	0+0	
9		P2+BK4+BK10	11:25	18+1+3	0+0+0		3+1+3	0+0+0	

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
1/ Đi về trong ngày BK4-1ng, BK10-3ng



FLIGHT MANIFEST



DATE: 27/02/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:35
B.CARD: CAM-1	TO: P9 - P11 - P5	CREW: LINH - N.CU'ONG - NNAM	ETA: 09:25
VSP FLIGHT: 01		VNHS FLIGHT: TM26/0912	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	VU VAN TIEN	P9	16	1	5	2	25	67	KH-THAC	Vietnamese
2	TRAN DINH DUC	P9	62	1	2			68	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYEN THANH TUNG (21575)	P9	15	1	4			70	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN VAN VIET	P9	19-20	2	14			90	KH-THAC	Vietnamese
5	VU BA NEP	P9	67-68	2	20			64	KH-THAC	Vietnamese
6	TRINH HUY KHIEM	P9	63	1	3			71	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN MANH HUNG	P9	71	1	11			82	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN VIET THANG	P9	64	1	10			68	KH-THAC	Vietnamese
9	HO DUC HIEN	P9	70	1	9			55	YTE	Vietnamese
10	PHAM VAN HIEN	P9	69	1	8			51	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN KHAC HOANG	P9	23-24	2	9			59	KH-THAC	Vietnamese
12	DANG DUC HAI	P9	66	1	4			62	KH-THAC	Vietnamese
13	HOANG MANH THANG	P9	18	1	10			72	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN BA KY	P9						76	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN TUAN ANH	P9	19	1	3			59	KH-THAC	Vietnamese
16	TRINH THE NHAN	P9	17	1	4			75	KH-THAC	Vietnamese
17	HUYNH CHANH PHAT	P11	54	1	4	3	60	63	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYEN NGOC TAN	P11	49	1	11			65	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYEN NGOC ANH	P11	50	1	5			79	YTE	Vietnamese
20	NGUYEN DOAN DUC	P11	55	1	7			76	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYEN CONG LUAN	P11	56	1	7			80	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYEN TRONG BANG	P11	52-53	2	10			70	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	P9	16	1.089	18	116	2	25	15		CHUYEN 1 PAX P9-P11
2	P11	6	433	7	44	3	60	6		CHUYEN 1 PAX P11-P5
3	P5	0	0	0	0	0	0	0		
TOTAL		22	1.522	25	160	5	85	21		
WEIGHT KG			1.522		160		85			

GRAND TOAL: 1.767 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

VŨ THỊ THU HƯƠNG

CREW

NGÔ VĂN LINH
PHAN NHƯ CƯƠNG



FLIGHT MANIFEST



DATE: 27/02/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:32
B.CARD: XANH-1	TO: BK10 - BK4	CREW: HUNG - M.ĐỨC - TOAN	ETA: 09:20
VSP FLIGHT: 02		VNHS FLIGHT: TM26/0907	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	ĐÀO VĂN ĐỨC*	BK10	12	1	6			66	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN QUANG THĂNG*	BK10						76	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN TIẾN THĂNG*	BK10						63	NIPI	Vietnamese
4	TRẦN KHOA TRƯỜNG*	BK10	01	1	4			77	NIPI	Vietnamese
5	TRẦN CÔNG HOÀN*	BK10	13	1	3			72	KH-THAC	Vietnamese
6	NGHIÊM XUÂN ANH*	BK10	11	1	9			53	KH-THAC	Vietnamese
7	ĐỖ TUẤN VIỆT*	BK10	10	1	10			70	KH-THAC	Vietnamese
8	ĐẶNG ĐÌNH TUẤN*	BK10	15	1	15			74	CODIEN	Vietnamese
9	NGUYỄN QUỐC QUÂN*	BK10	14	1	11	2	30	81	CODIEN	Vietnamese
10	MAI CAO ĐỊNH*	BK10	18-19	2	4	2	40	63	PSV	Vietnamese
11	LÊ THẾ ĐẠI*	BK10	05	1	7			79	DUY LINH	Vietnamese
12	NGUYỄN TẤN VƯƠNG*	BK10	03-04	2	18			76	DUY LINH	Vietnamese
13	VŨ NGỌC TUẤN*	BK10	08-09	2	14			63	DUY LINH	Vietnamese
14	LƯU VĂN BÌNH*	BK10	07	1	13			81	DUY LINH	Vietnamese
15	CAO THẾ HÙNG*	BK10	06	1	10			62	DUY LINH	Vietnamese
16	LÊ THANH TUẤN*	BK4						80	ANTOAN	Vietnamese
17	NGUYỄN CÔNG TẤN*	BK4	02	1	4			80	KH-THAC	Vietnamese
18	LÊ VŨ MẠNH CUÔNG*	BK4	01	1	3			72	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN HOÀNG ĐAN*	BK4	900	1	5	2	20	65	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN NGỌC TÙNG*	BK4	07-08	2	9			76	CODIEN	Vietnamese
21	NGUYỄN THANH TUẤN*	BK4	06	1	8	1	20	70	XAYLAP	Vietnamese
22	NGUYỄN MẠNH TÙNG*	BK4	03-04	2	14	1	21	76	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	BK10	15	1.056	16	124	4	70	6		
2	BK4	7	519	8	43	4	61	4		
TOTAL		22	1.575	24	167	8	131	10		
WEIGHT KG			1.575		167		131			

GRAND TOAL: 1.873 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

VŨ THỊ ÁNH

CREW

LÊ QUÝ HÙNG
 NGUYỄN MINH ĐỨC



FLIGHT MANIFEST



DATE: 27/02/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 424	ETD: 07:40
B.CARD: VÀNG-1	TO:RP3 - P2	CREW: LHM - HUC - DUNG	ETA: 09:30
VSP FLIGHT: 03		VNHS FLIGHT: TM26/0916	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	HOANG HUU VINH QUY	RP3	60	1	13			80	CODIEN	Vietnamese
2	NGUYEN NAM HOANG	RP3	59	1	14			54	CODIEN	Vietnamese
3	NGUYEN DUY BAI	RP3	61	1	16			75	CODIEN	Vietnamese
4	TRAN MINH HOANG	RP3	57	1	10	3	38	86	CODIEN	Vietnamese
5	NGO VAN NGHI	P2	22	1	3			61	KH-THAC	Vietnamese
6	BIEN DANG SAM	P2	36	1	5			62	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN VAN TUONG	P2	38	1	2			75	KHI	Vietnamese
8	NGUYEN VAN LAM	P2	34	1	13			92	ANTOAN	Vietnamese
9	NGUYEN THAI BINH	P2	33	1	14			71	XAYLAP	Vietnamese
10	NGUYEN MANH HUNG	P2	37	1	15	1	15	75	XAYLAP	Vietnamese
11	PHAM VAN DUC	P2	25	1	16	1	15	76	T-TIN	Vietnamese
12	VU VAN THO	P2	19	1	8			73	KH-THAC	Vietnamese
13	VU DINH QUANG	P2	18	1	13			77	KH-THAC	Vietnamese
14	HOANG MINH QUAN	P2	39	1	8			61	KH-THAC	Vietnamese
15	DINH BA HOANG NAM	P2	31	1	11			97	KH-THAC	Vietnamese
16	TRAN DUC MINH	P2	20-21	2	6			74	KH-THAC	Vietnamese
17	TO NGUYEN MINH KHOI	P2	32	1	4			81	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYEN QUYET CHIEN	P2	35	1	6			69	KH-THAC	Vietnamese
19	VU VAN DONG	P2						65	KH-THAC	Vietnamese
20	DINH MAU TRUNG KIEN	P2	23-24	2	14			75	KH-THAC	Vietnamese
21	THAI HOANG TAM	P2	27	1	4			78	KH-THAC	Vietnamese
22	PHAM THIEN NAM	P2	30	1	3			70	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	RP3	4	295	4	53	3	38	0		
2	P2	18	1.332	19	145	2	30	17		
TOTAL		22	1.627	23	198	5	68	17		
WEIGHT KG			1.627		198		68			

GRAND TOAL: 1.893 KGS

VSP REP.

NGUYEN THUC HA

VNHS REP.

NGUYEN MAI PHI

CREW

LUU THANH HAI
HOANG ANH DUC





FLIGHT MANIFEST



DATE: 27/02/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 619	ETD: 07:45
B.CARD: TRANG-1	TO: PVD8	CREW: TRƯỜNG - MTIÊN	ETA: 09:35
VSP FLIGHT: 04		VNHS FLIGHT: TM26/0920	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	NGUYỄN ĐÌNH QUỐC BẢO	PVD8				4	65	60	KH-THAC	Vietnamese
2	HOANG QUỐC BẢO	PVD8	11	1	2			65	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN HOANG HA	PVD8	24	1	5			74	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN TRUNG KIẾN	PVD8	21	1	7			99	KH-THAC	Vietnamese
5	ĐẶNG CÔNG THỊNH	PVD8	23	1	5			76	KH-THAC	Vietnamese
6	VŨ THANH LONG	PVD8	18	1	5			74	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN THANH BẠC	PVD8	27	1	5			62	KH-THAC	Vietnamese
8	PHAN TRỌNG HIỆU	PVD8	26	1	5			74	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN THANH QUAN	PVD8	20	1	5			79	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN VĂN HIỆU	PVD8	22	1	5			71	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN QUỐC VIỆT	PVD8						74	KH-THAC	Vietnamese
12	ĐẶNG THAI SƠN	PVD8	25	1	6			84	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN VĂN DAN	PVD8	19	1	5			67	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN VĂN CHU	PVD8	10	1	10			64	XAYLAP	Vietnamese
15	NGUYỄN ĐÌNH THĂNG	PVD8	16-17	2	19			63	XAYLAP	Vietnamese
16	BUI QUANG ANH	PVD8	12-13	2	18			64	XAYLAP	Vietnamese
17	NGUYỄN ĐÌNH VINH	PVD8	14	1	9	1	16	69	XAYLAP	Vietnamese
18	NGUYEN PHUC SANG	PVD8	30-31	2	19			60	XAYLAP	Vietnamese
19	NGUYEN QUANG NGOC	PVD8	28-29	2	15			66	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	PVD8	19	1.345	21	145	5	81	13		
TOTAL		19	1.345	21	145	5	81	13		
WEIGHT KG			1.345		145		81			

GRAND TOAL: 1.571 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

BÙI THỊ HIỀN LƯƠNG

CREW

DƯƠNG VĂN TRƯỜNG

NGUYỄN MINH TIÊN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 27/02/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:50
B.CARD: CAM-2	TO: P10	CREW: HUNG - M.ĐỨC - TOAN	ETA: 11:40
VSP FLIGHT: 05		VNHS FLIGHT: TM26/0908	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	LÊ QUANG HIÊN	P10	77	1	6	2	40	76	KH-THAC	Vietnamese
2	TRẦN VĂN THĂNG	P10	62	1	2			74	KH-THAC	Vietnamese
3	TRẦN HỮU DŨNG	P10	66	1	9			85	KH-THAC	Vietnamese
4	HOANG SY NGUYEN	P10	59-60	2	13			81	KH-THAC	Vietnamese
5	PHÙNG ĐẠI DƯƠNG	P10	75	1	5			79	KH-THAC	Vietnamese
6	VŨ ĐĂNG HOANG	P10	70	1	3			65	KH-THAC	Vietnamese
7	HUYNH CÔNG VĂN	P10	61	1	7			78	KH-THAC	Vietnamese
8	LÊ TUẤN AN	P10	65	1	11			76	KH-THAC	Vietnamese
9	LƯƠNG CÔNG ĐẠT	P10	69,68	2	13			66	YTE	Vietnamese
10	BUI NGOC NAM	P10	67	1	6			67	KHAITHAC	Vietnamese
11	TRẦN THANH HAI	P10	71	1	15			72	KHAITHAC	Vietnamese
12	NGUYỄN DUY HÀ	P10	79	1	8			79	KHAITHAC	Vietnamese
13	BUI SỸ LONG	P10	78	1	9			83	KHAITHAC	Vietnamese
14	LÊ TRI HẢO	P10						68	KHAITHAC	Vietnamese
15	NGUYỄN XUÂN ĐÔNG	P10	81	1	15			70	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN TIÊN QUY	P10	73	1	8			75	KH-THAC	Vietnamese
17	VŨ MINH TUNG	P10	80	1	15			71	KH-THAC	Vietnamese
18	VŨ THANH DANH	P10	74	1	7			62	KH-THAC	Vietnamese
19	PHAN BAO TOAN	P10	72	1	5			74	KH-THAC	Vietnamese
20	PHẠM TIÊN PHƯƠNG	P10	63	1	3			71	KH-THAC	Vietnamese
21	PHẠM THANH DŨNG	P10	76	1	2			95	KH-THAC	Vietnamese
22	LÝ TRUNG HIỆU	P10	64	1	4			57	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	P10	22	1.624	23	166	2	40	21		
	TOTAL	22	1.624	23	166	2	40	21		
	WEIGHT KG		1.624		166		40			

GRAND TOAL: 1.830 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN MAI PHI

CREW

LÊ QUÝ HUNG
NGUYỄN MINH ĐỨC



FLIGHT MANIFEST



DATE: 27/02/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:55
B.CARD: XANH-2	TO: P11 - BK3	CREW: LINH - N.CU'ONG - NNAM	ETA: 11:45
VSP FLIGHT: 06		VNHS FLIGHT: TM26/0913	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	ĐÀO THIÊN THUẬT	P11	71	1	6			61	KH-THAC	Vietnamese
2	ĐINH THIÊN TÙNG	P11	72	1	8			75	KH-THAC	Vietnamese
3	PHAN TRỌNG ĐỨC	P11	66	1	5			60	KH-THAC	Vietnamese
4	PHAN CÔNG HUY	P11	78-79	2	7			73	KH-THAC	Vietnamese
5	VU PHƯƠNG HUƠNG	P11	63	1	7			69	KH-THAC	Vietnamese
6	ĐẶNG NAM PHƯƠNG	P11	88	1	10			68	KH-THAC	Vietnamese
7	ĐÀO TRUNG KIẾN	P11	76	1	13			77	KH-THAC	Vietnamese
8	TRẦN ANH QUANG	P11	73	1	10	2	44	82	CODIEN	Vietnamese
9	ĐOÀN VIỆT ĐÔNG	P11	75	1	13	2	26	75	CODIEN	Vietnamese
10	HƯA HUNG SƠN	P11	60-61	2	22			72	CODIEN	Vietnamese
11	LÊ MINH SỸ	P11	85	1	9			79	CODIEN	Vietnamese
12	LÊ HOANG VU	P11	80	1	9			67	CODIEN	Vietnamese
13	ĐỖ XUÂN THĂNG	P11	81	1	18			83	CODIEN	Vietnamese
14	PHẠM THẾ VIỆT	P11	82-84	3	22			69	CODIEN	Vietnamese
15	HUYNH DANG HOAI THANH	P11	67-68	2	11			83	XAYLAP	Vietnamese
16	LA KHÁC HAO	P11	64-65	2	18			54	XAYLAP	Vietnamese
17	PHẠM VĂN CÔNG	P11	69-70	2	21			73	XAYLAP	Vietnamese
18	LÊ MINH KHANH	P11	62	1	14			90	XAYLAP	Vietnamese
19	VU VĂN NAM	BK3	54	1	14			61	KH-THAC	Vietnamese
20	TRẦN ĐẠI NGHĨA	BK3	56-57	2	9			73	KH-THAC	Vietnamese
21	PHÙNG CÔNG DU	BK3	55	1	7			74	KH-THAC	Vietnamese
22	HỒ ĐÌNH LỘC	BK3	58	1	5			79	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	P11	18	1.310	25	223	4	70	9		
2	BK3	4	287	5	35	0	0	4		
TOTAL		22	1.597	30	258	4	70	13		
WEIGHT KG			1.597		258		70			

GRAND TOAL: 1.925 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

BÙI THỊ HIỀN LƯƠNG

CREW

NGÔ VĂN LINH

PHAN NHƯ CƯỜNG



FLIGHT MANIFEST



DATE: 27/02/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 424	ETD: 09:58
B.CARD: VANG-2	TO:TTC2 - P10	CREW: LHM - HĐỨC - DỨNG	ETA: 11:50
VSP FLIGHT: 07		VNHS FLIGHT: TM26/0917	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	ĐỖ NGỌC TÂM	TTC2	45	1	13	1	15	89	XAYLAP	Vietnamese
2	QUẦN VĂN KHANH	TTC2	43-44	2	19			69	XAYLAP	Vietnamese
3	PHÙNG VĂN DIEN	TTC2	38	1	15	1	10	70	XAYLAP	Vietnamese
4	TRẦN XUÂN QUYÊN	TTC2	40-41	2	19			63	XAYLAP	Vietnamese
5	NGUYỄN VĂN CÔNG	TTC2	48-49	2	17			74	XAYLAP	Vietnamese
6	PHẦN THANH ANH	TTC2	42	1	13	3	40	67	XAYLAP	Vietnamese
7	NGUYỄN ĐỨC HẠO	TTC2	36-37	2	20			79	XAYLAP	Vietnamese
8	TRẦN NGỌC ĐĂNG	TTC2	50	1	16	1	9	75	XAYLAP	Vietnamese
9	NGUYỄN KHÁC THO	TTC2	52	1	13	1	9	63	XAYLAP	Vietnamese
10	ĐỖ VĂN SỸ	TTC2	46-47	2	15			83	XAYLAP	Vietnamese
11	TRẦN XUÂN HÌNH	P10	03	1	9			90	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN VŨ KIẾN	P10	09	1	6			72	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN QUỐC PHI	P10	07	1	5			66	KH-THAC	Vietnamese
14	ĐỖ LỆNH ĐẠO	P10						82	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN VĂN NAM	P10	08	1	11			94	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN ĐÌNH NAM	P10	05	1	7			65	KH-THAC	Vietnamese
17	CHU VĂN ĐẠT	P10	02	1	7			65	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN VĂN HUÂN	P10	06	1	3			68	KH-THAC	Vietnamese
19	HUYNH VŨ TÍNH	P10	12	1	12			64	DVL	Vietnamese
20	PHẠM VĂN TÀI	P10	10	1	5			76	PSV	Vietnamese
21	NGUYỄN KHÁC NGUYỄN	P10	11	1	7			74	PSV	Vietnamese
22	TRƯƠNG QUANG TUẤN ANH	P10	04	1	4			55	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	TTC2	10	732	15	160	7	83	0		
2	P10	12	871	11	76	0	0	8		
TOTAL		22	1.603	26	236	7	83	8		
WEIGHT KG			1.603		236		83			

GRAND TOAL: 1.922 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

ĐẶNG THÚY ANH

CREW

LƯU THANH HẢI
HOÀNG ANH ĐỨC





FLIGHT MANIFEST



DATE: 27/02/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 12:10
B.CARD: VANG-3	TO: P11 - P9	CREW: KHOAN - LTUAN - VU	ETA: 14:00
VSP FLIGHT: 08		VNHS FLIGHT: TM26/0909	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	PHAN TIEN DUNG	P11	94-95	2	14	5	86	73	XAYLAP	Vietnamese
2	PHAN LE MINH TOAN	P11	91	1	8			85	PSV	Vietnamese
3	PHAN VAN THOAI	P11	90	1	17			76	XAYLAP	Vietnamese
4	NGUYEN CHI BIEN	P11	96-97	2	20			73	XAYLAP	Vietnamese
5	LE VAN KIEU CANH	P11	98	1	4			74	PSV	Vietnamese
6	NGUYEN DINH CUONG	P11	92	1	5			76	PSV	Vietnamese
7	DINH BA THANG	P11	93	1	6			73	PSV	Vietnamese
8	TRAN VAN HUU	P11	89	1	6			61	PSV	Vietnamese
9	NGUYEN THANH TUNG (15224)	P9	14	1	5			68	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN MINH HIEN	P9	08-09	2	19			76	KH-THAC	Vietnamese
11	VU NAM GIANG	P9	03	1	2			76	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN XUAN DAT	P9	10	1	6			66	KH-THAC	Vietnamese
13	HUA SAY	P9	11	1	5			59	KH-THAC	Vietnamese
14	VU MINH DUC	P9	16-17	2	17	3	45	95	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN THANH TAM	P9	06	1	14			77	KH-THAC	Vietnamese
16	LUONG TUAN ANH	P9	18-19	2	12			87	KH-THAC	Vietnamese
17	PHAM VAN THANH	P9	15	1	11			79	KH-THAC	Vietnamese
18	PHAM CONG TUAN	P9	13	1	6			55	PSV	Vietnamese
19	DUONG VIET DUNG	P9	07	1	5			54	PSV	Vietnamese
20	BUI VAN THUAN	P9	05	1	5			81	PSV	Vietnamese
21	NGUYEN VAN QUANG	P9	04	1	6			68	PSV	Vietnamese
22	DO LE NGOC HOANG	P9	12	1	6			54	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE				ARRIVAL		REMARK	
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO			
				PCS	WT	PCS	WT		
1	P11	8	591	10	80	5	86	4	
2	P9	14	995	17	119	3	45	9	
TOTAL		22	1.586	27	199	8	131	13	
WEIGHT KG			1.586		199		131		

GRAND TOAL: 1.916 KGS

VSP REP.

(Signature)
NGUYEN THUC HA

VNHS REP.

(Signature)
VU THI THU HUONG

CREW

(Signature)
DO XUAN HOAN
LUONG MANH TUAN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 27/02/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 424	ETD: 12:20
B.CARD: TRANG-3	TO: P2 - BK4 - BK10	CREW: LHM - HUC - DUNG	ETA: 14:10
VSP FLIGHT: 09		VNHS FLIGHT: TM26/0919	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	ĐỖ HUY HÙNG	P2	04	1	8			69	KH-THAC	Vietnamese
2	LÊ VĂN QUANG	P2	07-08	2	14	2	23	74	XAYLAP	Vietnamese
3	PHAN QUÝ DŨNG	P2	200	1	13			65	XAYLAP	Vietnamese
4	HOANG VĂN BA	P2	05	1	15	1	7	67	XAYLAP	Vietnamese
5	LÊ VĂN NIN	P2	95-96	2	19			68	XAYLAP	Vietnamese
6	NGUYỄN HOANG MINH HIẾU	P2	01-02	2	17			56	XAYLAP	Vietnamese
7	NGUYỄN VŨ HỘI	P2	99	1	16			77	XAYLAP	Vietnamese
8	NGUYỄN VĂN DUY	P2	15-16	2	19			58	XAYLAP	Vietnamese
9	HỒ VĂN DUYỆT	P2	11-12	2	20			60	XAYLAP	Vietnamese
10	NGUYỄN VĂN QUAN	P2	93-94	2	19			59	XAYLAP	Vietnamese
11	TRẦN VĂN TRƯỞNG	P2	03	1	15			78	XAYLAP	Vietnamese
12	ĐINH VĂN THIỆN	P2	97-98	2	16			59	XAYLAP	Vietnamese
13	NGUYỄN NGỌC DANH	P2	13	1	15			62	XAYLAP	Vietnamese
14	ĐỖ XUÂN PHƯƠNG	P2	09	1	15	1	11	58	XAYLAP	Vietnamese
15	KHÔNG QUỐC TIẾN	P2	19-20	2	13			70	XAYLAP	Vietnamese
16	VÔ TẠ HÙNG	P2	14	1	17			66	XAYLAP	Vietnamese
17	NGUYỄN ĐỨC SAN	P2	17	1	8			74	PSV	Vietnamese
18	VŨ VĂN HÙNG	P2	18	1	5			62	PSV	Vietnamese
19	HỒ VĂN ĐỨC	BK4	76	1	4	1	19	69	PSV	Vietnamese
20	TRẦN VĂN TỰ	BK10	22	1	10			64	DUY LINH	Vietnamese
21	ĐẶNG TRỌNG DƯƠNG	BK10	24	1	12			63	DUY LINH	Vietnamese
22	NGUYỄN HOANG TÂM	BK10	23	1	10			76	DUY LINH	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	P2	18	1.182	26	264	4	41	0		
2	BK4	1	69	1	4	1	19	2		
3	BK10	3	203	3	32	0	0	3		
TOTAL		22	1.454	30	300	5	60	5		
WEIGHT KG			1.454		300		60			

GRAND TOTAL: 1.814 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

ĐẶNG THÚY ANH

CREW

LƯU THANH HẢI
HOÀNG ANH ĐỨC

